

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

Ngày	31,500 VNĐ		
31/12/2025			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-8.6%	-2.3%	14.4%

DT thuần	Q4/25
1,816	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 718 65.4%	
YoY: ▼232 -11.3%	

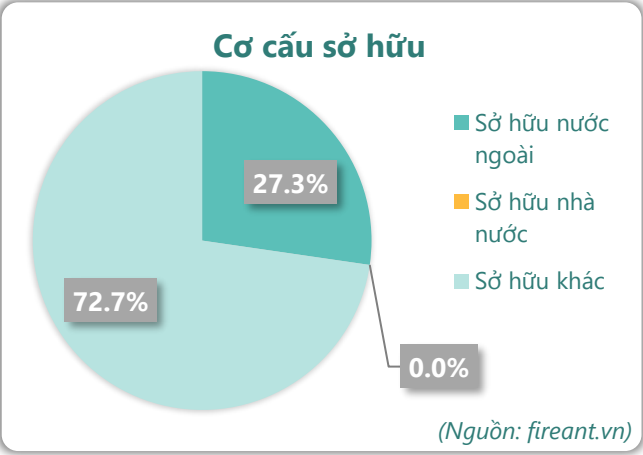
LN thuần	Q4/25
958	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 299 45.3%	
YoY: ▲ 443 85.9%	

LN sau thuế	Q4/25
793	tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 267 50.8%	
YoY: ▲ 400 102%	

Tỷ suất lãi EBIT	2025
43.6%	
YoY: +/- ▲ 11.6%	

ROE	2025
5.2%	
YoY: +/- ▲ 0.5%	

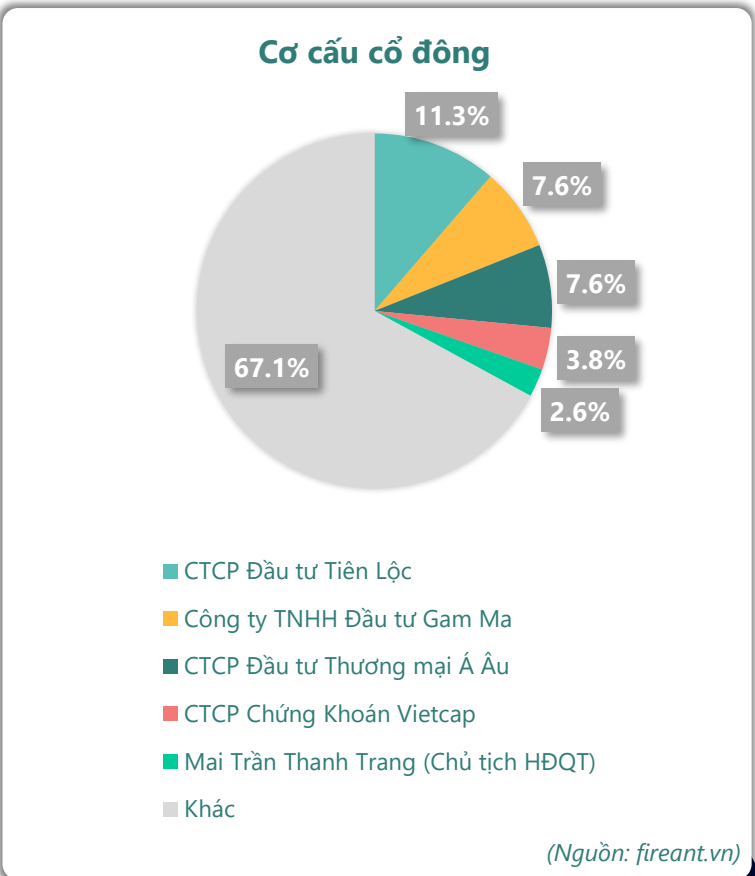
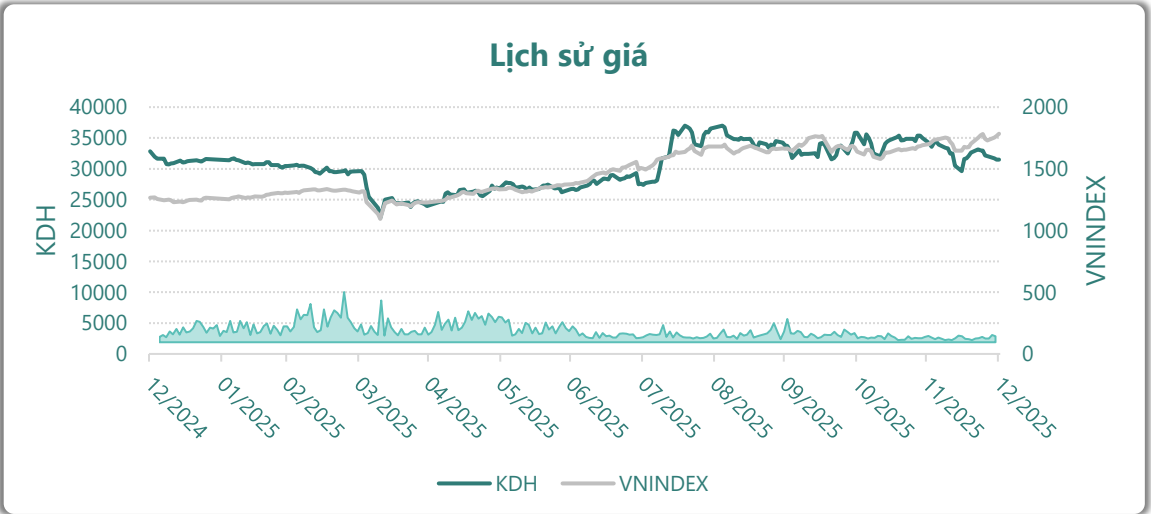
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	22,045 - 37,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	35,350
Số lượng CPLH (CP)	1,122,214,899
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,998,535
Sở hữu nước ngoài	27.3%
Beta	1.18
EPS	938
P/E	33.6



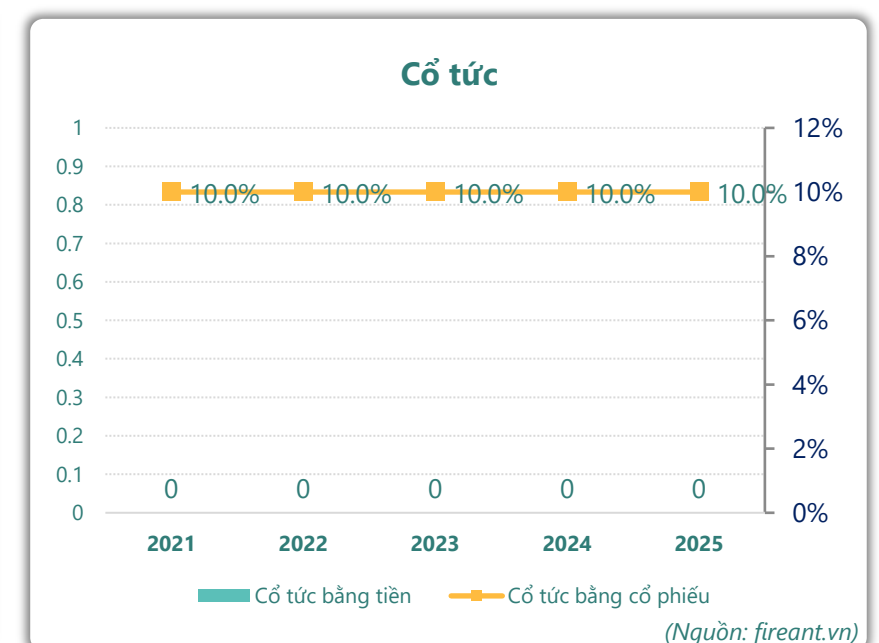
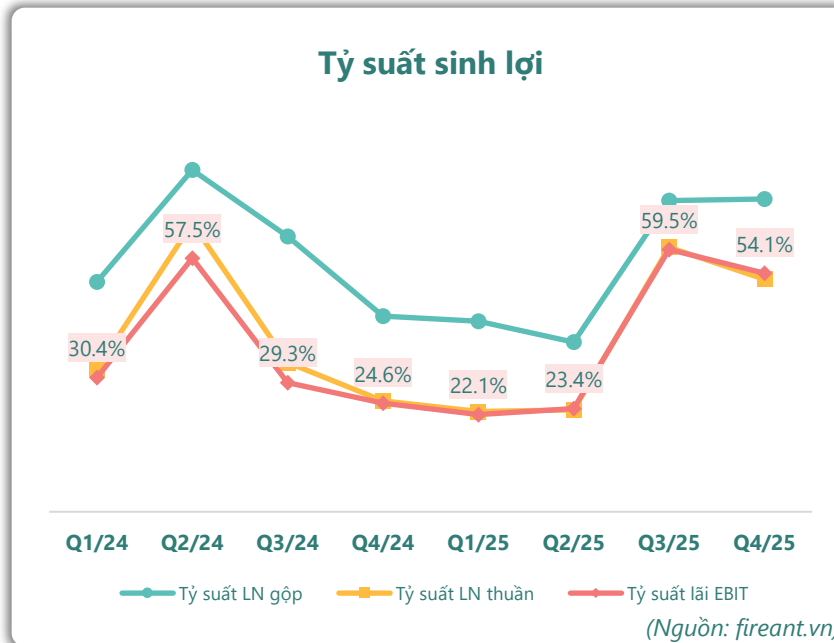
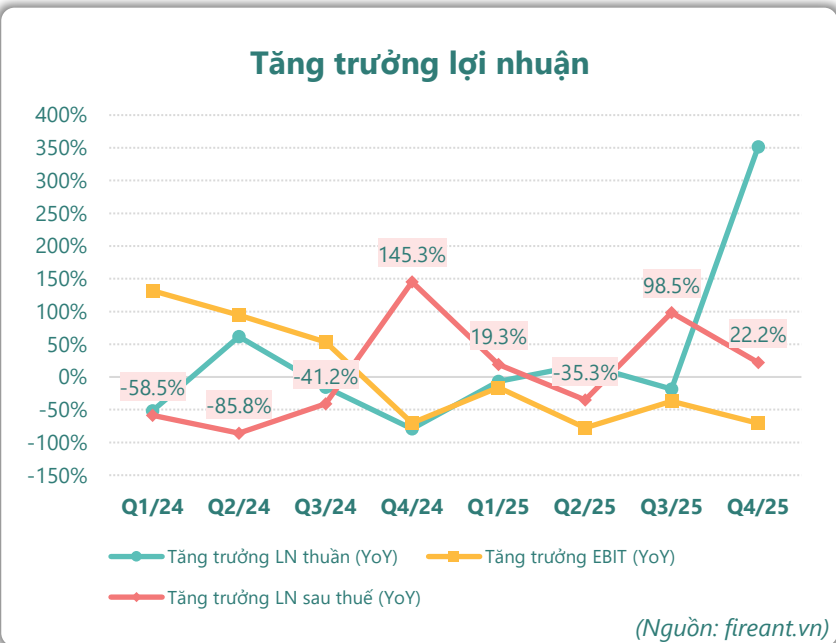
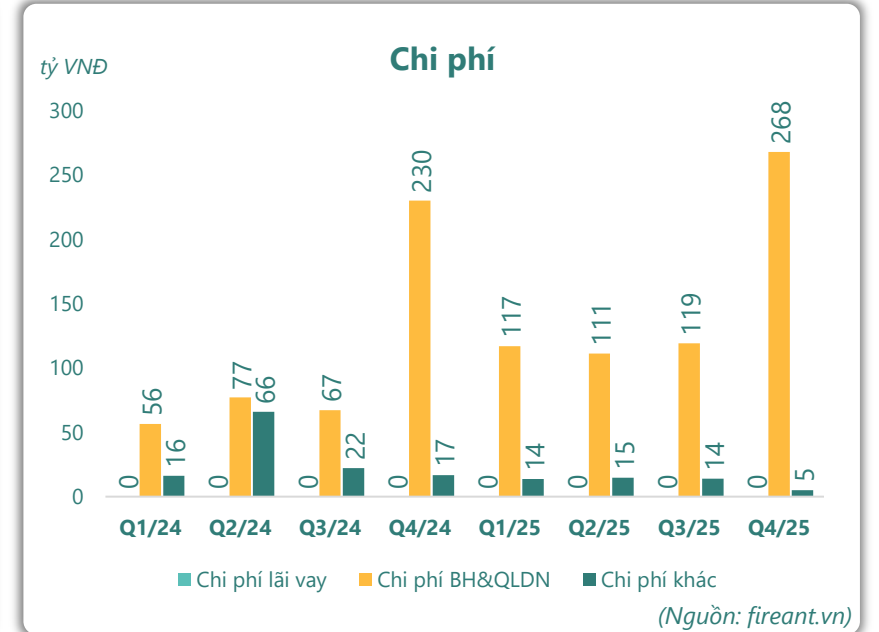
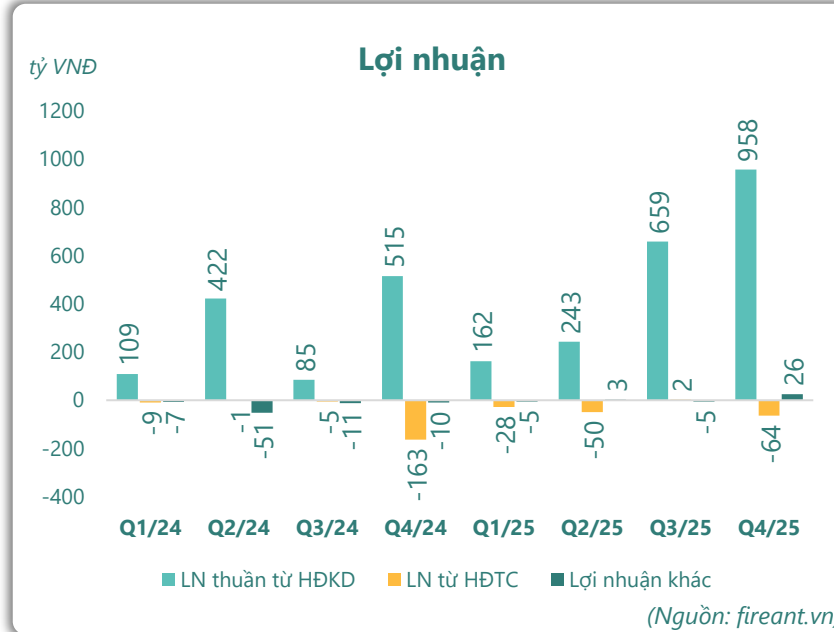
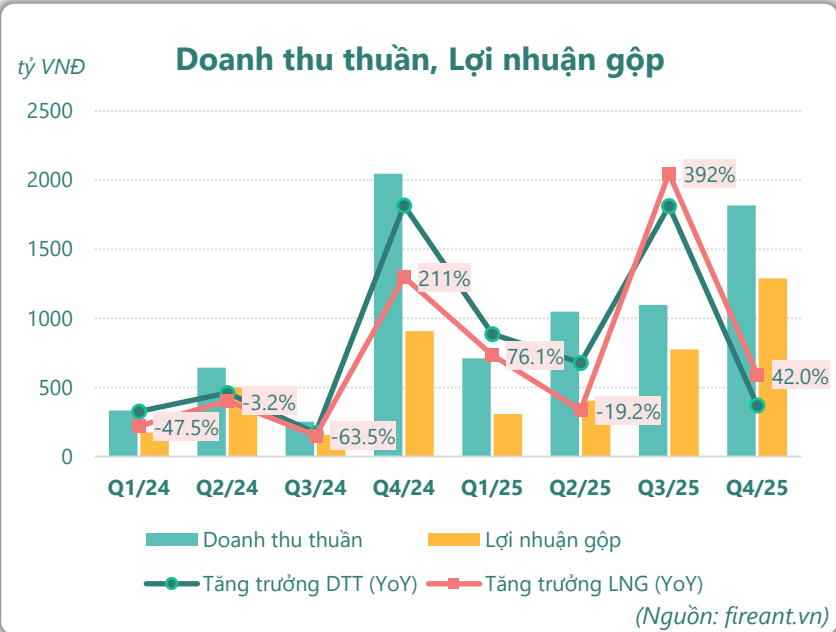
DT thuần	2025
4,674	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,395 42.6%	

LN thuần	2025
2,021	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 891 78.8%	

LN sau thuế	2025
1,634	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 830 103%	

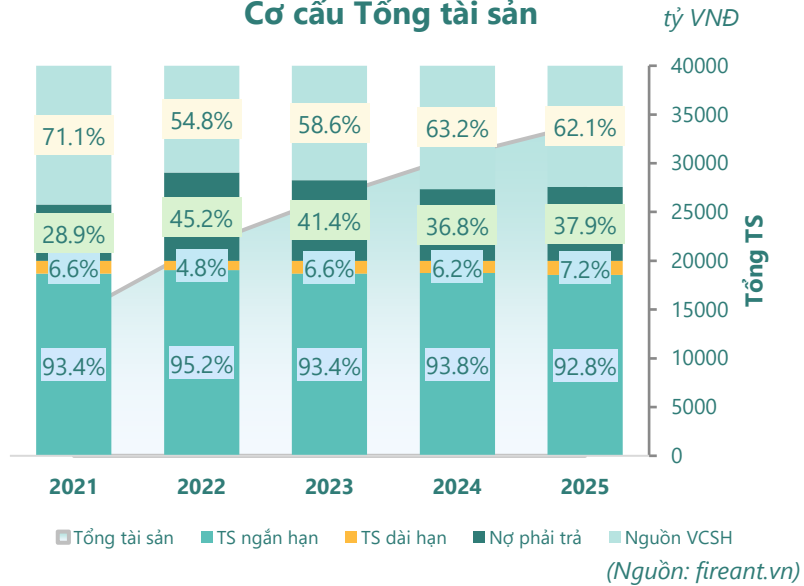


KẾT QUẢ KINH DOANH

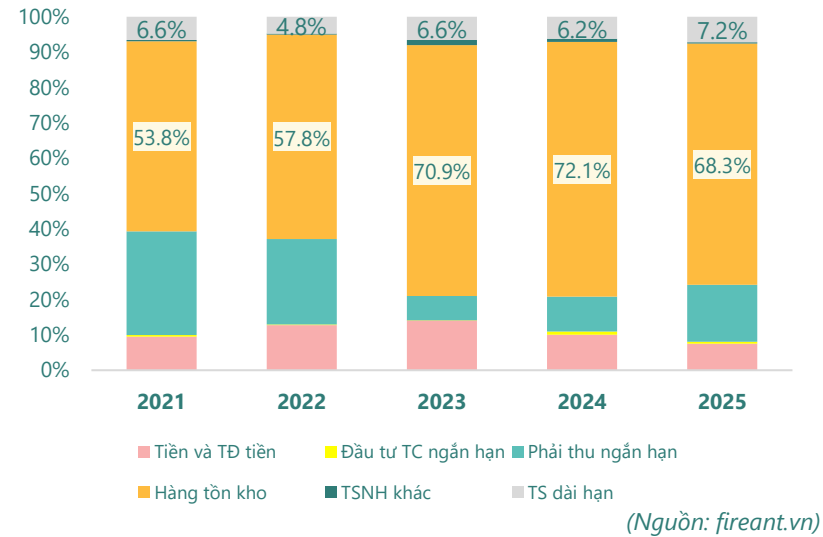


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

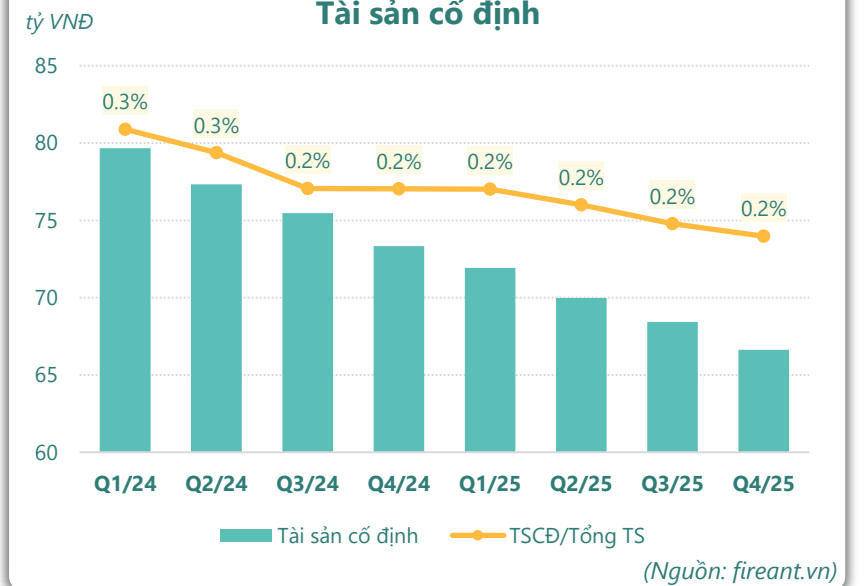
Cơ cấu Tổng tài sản



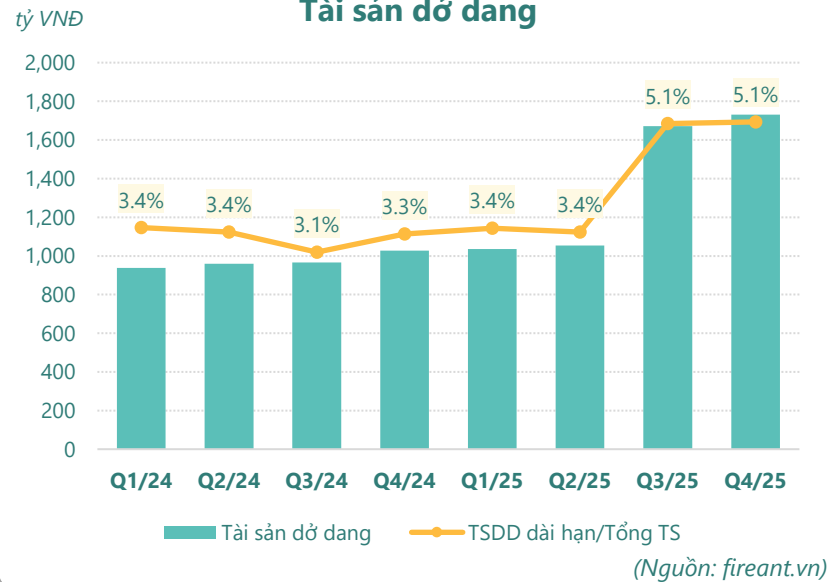
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



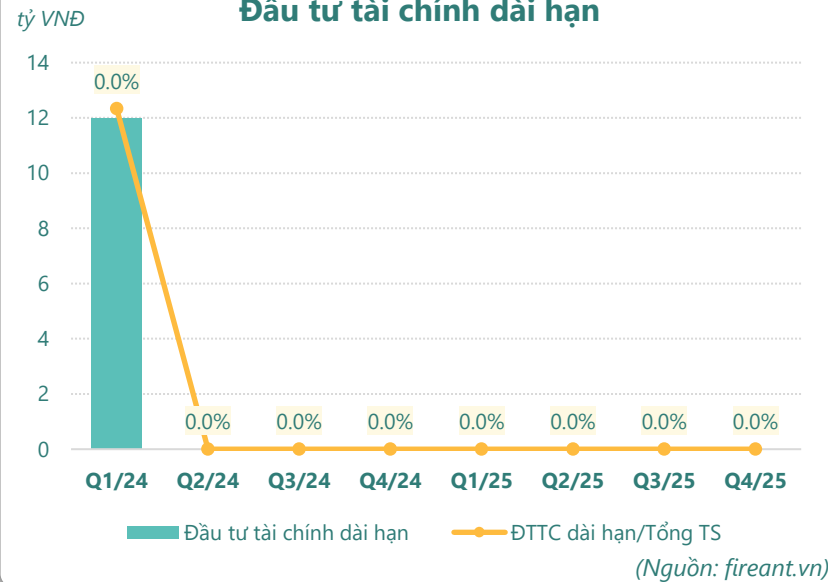
Tài sản cố định



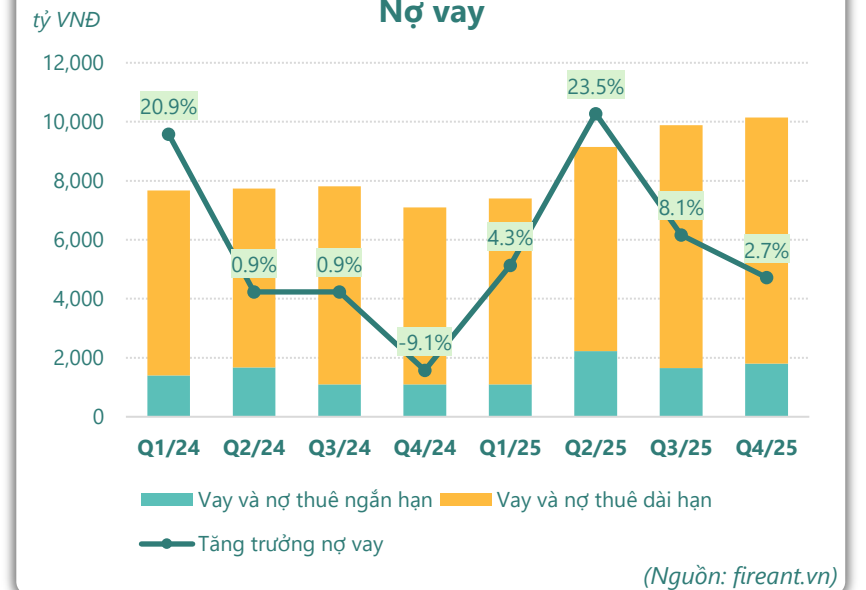
Tài sản dở dang



Đầu tư tài chính dài hạn

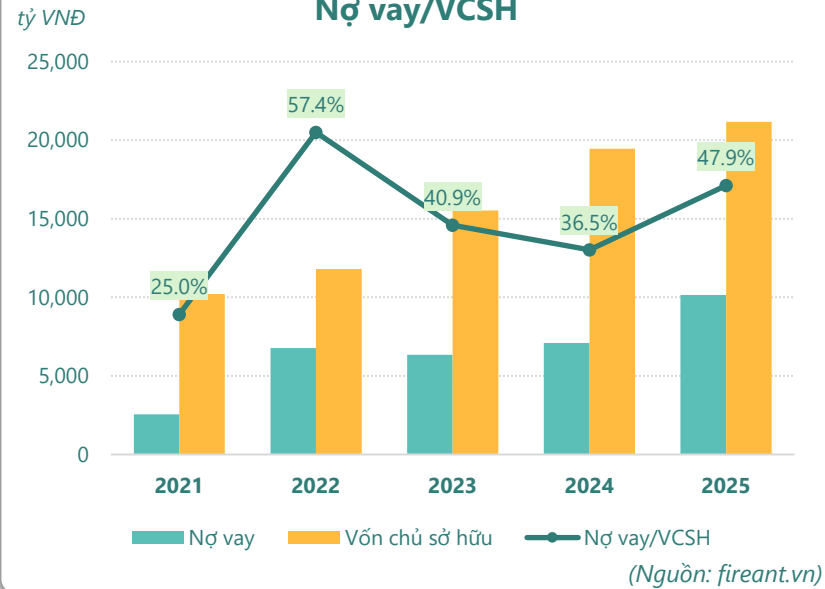


Nợ vay

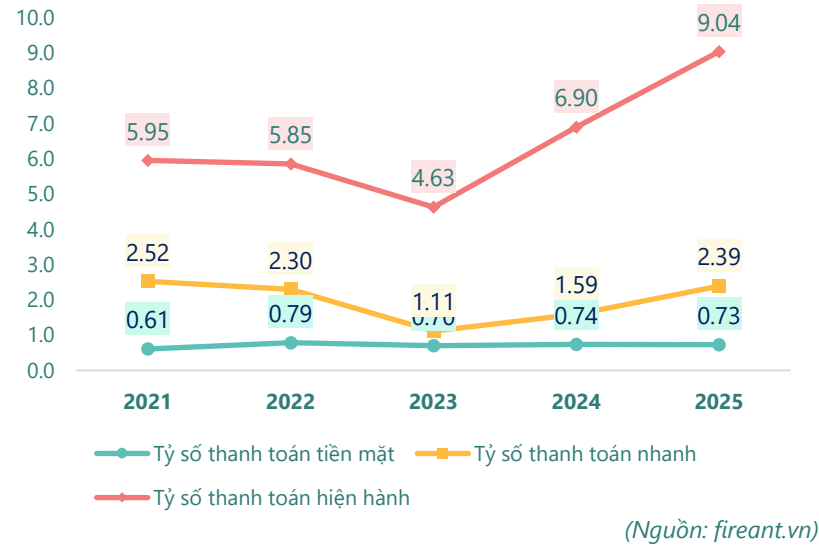


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

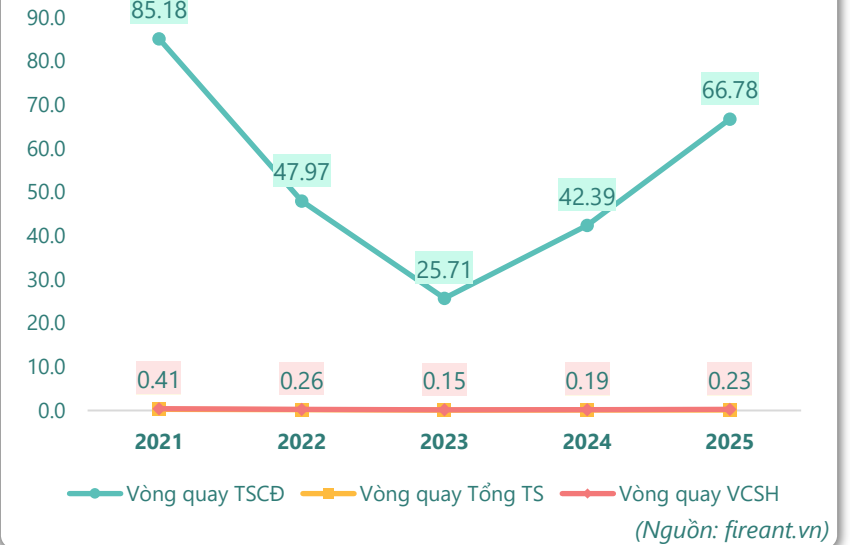
Nợ vay/VCSH



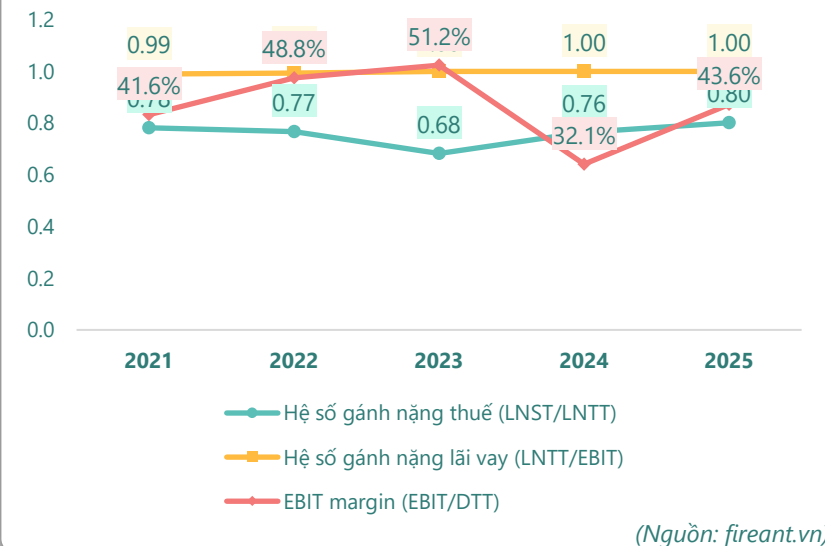
Chỉ số thanh khoản



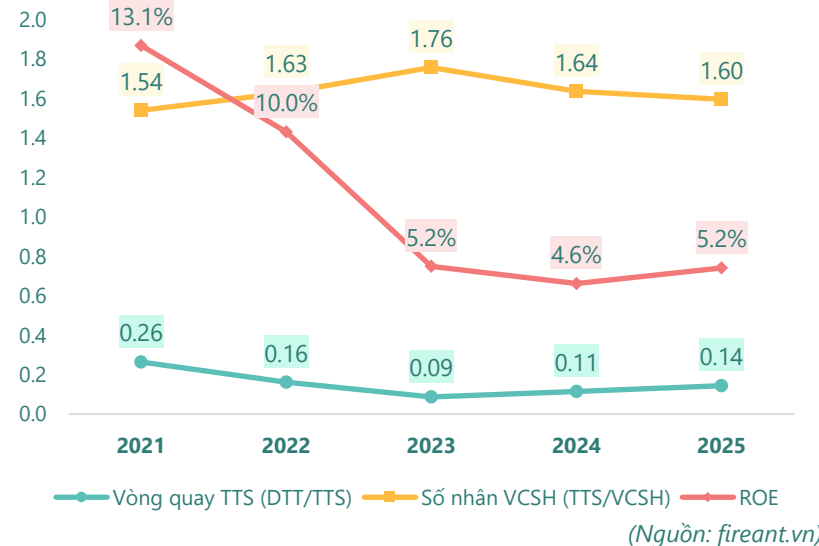
Vòng quay tài sản



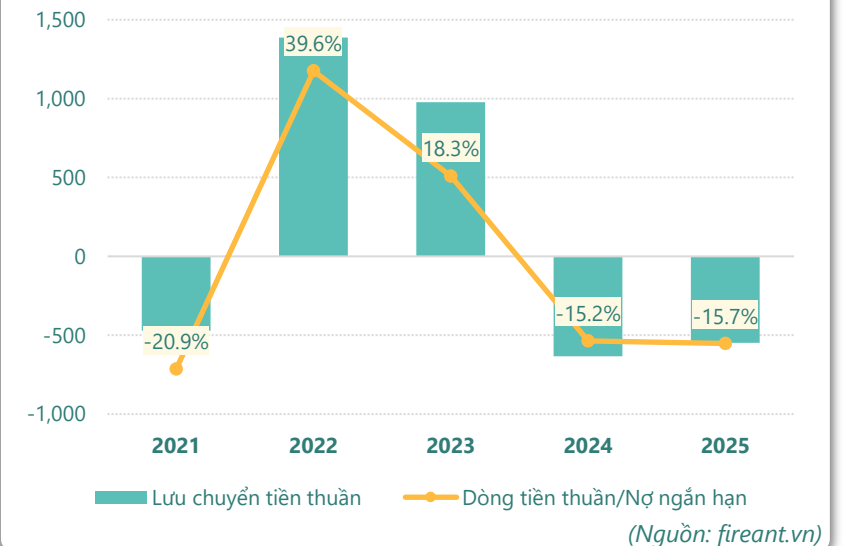
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,816	2,048	-11.3%	4,674	3,279	42.6%
Giá vốn hàng bán	527	1,139	-53.8%	1,898	1,539	23.3%
Lợi nhuận gộp	1,290	908	42.0%	2,776	1,740	59.6%
Doanh thu HĐTC	11.7	7.38	58.1%	40.4	38.2	5.8%
Chi phí TC	75.4	171	-55.9%	180	216	-16.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	212	163	30.0%	401	223	80.0%
Chi phí QLDN	56.3	67.5	-16.6%	215	209	2.7%
LN thuần từ HĐKD	958	515	85.9%	2,021	1,130	78.8%
Lợi nhuận khác	25.6	-10.0	356%	18.2	-78.8	123%
LN trước thuế	983	505	94.7%	2,039	1,051	94.0%
Lợi nhuận sau thuế	793	393	102%	1,634	804	103%
LNST của CĐ cty mẹ	496	398	24.6%	1,053	810	29.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2,332	638	-1,316	-1,266	-713	120
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.38	-306	29.1	-127	-252	-217
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3,068	-531	298	1,746	883	265
Tiền đầu kỳ	2,562	3,295	3,096	2,107	2,460	2,378
Lưu chuyển tiền thuần	734	-200	-989	353	-82.0	168
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3,295	3,096	2,107	2,460	2,378	2,547

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	34,064	30,758	10.8%
Tài sản ngắn hạn	31,619	28,844	9.6%
Tiền và tương đương tiền	2,547	3,096	-17.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	209	277	-24.6%
Phải thu ngắn hạn	5,478	3,018	81.5%
Hàng tồn kho	23,264	22,178	4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	122	275	-55.7%
Tài sản dài hạn	2,445	1,914	27.7%
Phải thu dài hạn	62.4	69.0	-9.5%
Tài sản cố định	66.6	73.3	-9.1%
Bất động sản đầu tư	230	233	-1.4%
Tài sản dở dang	1,731	1,028	68.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	355	511	-30.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	12,893	11,304	14.1%
Nợ ngắn hạn	3,499	4,182	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,802	1,100	63.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	113	288	-60.8%
Nợ dài hạn	9,394	7,122	31.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,348	5,998	39.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	21,171	19,453	8.8%
Vốn chủ sở hữu	21,171	19,453	8.8%
Vốn điều lệ	11,222	10,111	11.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

